TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49 /2023/DS-ST.
Ngày : 27-3-2023.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Lan.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thọ.
2. Bà Nguyễn Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Trinh - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Qui Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 375/2022/TLST-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-DS ngày 27/02/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu C , sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 75, khu vực 8, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Như H , sinh năm 1982, Địa chỉ: 50B Tố Hữu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. *(*có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 6 năm 2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa, chị Lê Thị Thu C trình bày:

Giữa chị và anh Nguyễn Như H là chỗ chị em quen biết với nhau nên từ năm 2019 đến năm 2021 chị có cho anh H mượn tiền nhiều lần, khi mượn anh H có viết giấy nợ cho chị. Về thời gian mượn tiền, số tiền đã mượn, thời hạn trả nợ như những

giấy nợ mà chị đã cung cấp cũng như lời khai trước đây của chị tại Tòa. Tính đến nay anh H còn nợ chị số tiền gốc là: 983.000.000đ (chín trăm tám mươi ba triệu đồng), trong đó tiền mặt là 933.000.000đồng và 14 chỉ vàng nữ trang, loại vàng 18K, trị giá hiện nay là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Nay chị yêu cầu anh Nguyễn Như H phải có nghĩa vụ trả cho chị số tiền gốc là 933.000.000đồng (chín trăm ba mươi ba triệu đồng) và 14 chỉ vàng nữ trang, loại vàng 18k. Yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho chị, số tiền gốc chị yêu cầu anh H phải trả lãi là 900.000.000đồng (chín trăm triệu đồng), lãi suất theo quy định pháp luật, thời gian tính lãi từ ngày 01/9/2021 cho đến nay. Riêng số vàng, nếu anh H không trả bằng vàng thì chị đồng ý quy đổi 14 chỉ vàng nữ trang 18K thành tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi vàng.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Như H trình bày:

Giữa anh và chị C quen biết nhau, anh có vay tiền của chị C từ trước năm 2019. Đến năm 2019 anh và chị C chốt số nợ, theo đó anh có nợ chị C tổng số tiền là 1.400.000.000đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng), anh đã trả cho chị C được 600.000.000đồng (sáu trăm triệu đồng). Anh trả làm hai lần, lần đầu anh trả 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng), lần thứ hai anh trả 500.000.000đồng (năm trăm triệu đồng), anh không nhớ thời gian trả cụ thể. Khi trả tiền, chị C tự trừ vào số nợ gốc mà trước đây anh có nợ của chị C

Anh thống nhất các giấy nợ mà chị C cung cấp tại tòa là chữ ký và chữ viết của anh. Anh thống nhất hiện nay còn nợ của chị C số tiền gốc là 933.000.000đồng (chín trăm ba mươi ba triệu đồng) và 14 chỉ vàng nữ trang, loại vàng 18K.

Hiện nay anh đang rất khó khăn, không có việc làm ổn định, làm ăn thua lỗ, do đó anh xin trả số tiền gốc 933.000.000đồng (chín trăm ba mươi ba triệu đồng) cho chị C bằng cách trả dần, còn tiền lãi thì xin không trả. Riêng số vàng 14 chỉ vàng nữ trang, loại vàng 18k, anh đồng ý quy ra tiền là 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng), anh cũng xin được trả dần cho chị C đến khi hết nợ.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp.Quy Nhơn phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Như H phải có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Thu C 983.000.000đồng và tiền lãi theo quy đinh pháp luật, thời gian tính lãi từ ngày 04/7/2022 cho đến khi trả xong nợ.

- Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UB TVQH14 ngày 30/12/2016, anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung tranh chấp của các đương sự, HĐXX xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Lê Thị Thu C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Như H phải có nghĩa vụ trả cho chị số tiền vốn là 933.000.000đồng (chín trăm ba mươi ba triệu đồng) và 14 chỉ vàng nữ trang, loại vàng 18k. Yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho chị đối với số tiền gốc là 900.000.000đồng (chín trăm triệu đồng), số tiền 33.0000.000đ (ba mươi ba triệu đồng) chị cho anh H mượn sau thì chị không yêu cầu anh H trả lãi, lãi suất theo quy định pháp luật, thời gian tính lãi từ ngày 01/9/2021 cho đến nay. Riêng số vàng, nếu anh H không trả bằng vàng thì chị đồng ý quy đổi 14 chỉ vàng nữ trang 18K thành tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi vàng.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là những giấy mượn tiền có chữ ký, chữ viết của anh Nguyễn Như H mà chị C đã nộp tại tòa.

Tòa xét: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay tài sản giao tài sản cho bên vay, khi đến hạn trả nợ bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Căn cứ vào các giấy mượn tiền được hai bên xác lập đều không thể hiện lãi suất, nhưng có thể hiện thời hạn mượn tiền. Đến hạn trả nợ, chị C đã nhiều lần yêu cầu anh H trả tiền gốc và lãi nhưng anh Huy cố tình không trả tiền cho chị Cúc là vi phạm nghĩa vụ trả tiền.

[3] Về tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Chị C yêu cầu anh H phải có trách nhiệm trả tiền lãi cho chị, lãi suất theo quy định pháp luật, thời gian tính lãi từ ngày 01/9/2021 đến ngày xét xử vụ án (27/3/2023).

Tòa xét: Hợp đồng vay tài sản giữa chị C và anh H là hợp đồng vay có kỳ hạn. Chị C cho rằng khi mượn tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, còn

anh Huy cho rằng lãi suất là 6%/tháng. Tuy nhiên cả hai bên đều không có chứng cứ để chứng minh. Đến hạn trả nợ, chị Cúc đòi nhiều lần nhưng anh H không trả là vi phạm khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nay chị C yêu cầu anh H phải có trách nhiệm trả lãi theo quy định pháp luật là phù hợp, tuy nhiên HĐXX chỉ chấp nhận thời gian tính lãi là từ ngày Tòa án nhận được đơn khởi kiện của chị là ngày 04/7/2022 đến ngày xét xử (27/3/2023).

Việc chị C đồng ý quy đổi 14 chỉ vàng nữ trang thành 50.000.000đồng và anh H cũng thống nhất việc quy đổi này nên HĐXX chấp nhân. Chị C không yêu cầu anh H có nghĩa vụ trả lãi đối với số vàng là phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tiền lãi được tính cụ thể như sau:

- Từ ngày 04/7/2022 đến ngày 27/3/2023 (ngày xét xử) là 8 tháng 23 ngày: (900.000.000đồng x 0,833%/tháng) x 8 tháng 23 ngày = 65.723.700đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị C , buộc anh Nguyễn Như H phải có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Thu C số tiền 1.048.723.000đồng (cả gốc và lãi).

Áp dụng khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu phù hợp nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[5] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Chị Cúc không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh Huy phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 463, khoản 1, khoản 4 Điều 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử :

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu C

1.1 Buộc anh Nguyễn Như H phải có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Thu Cúc số tiền 1.048.723.000 (một tỷ không trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn) đồng.

2- Án phí Dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Như H phải chịu 43.461.000 (bốn mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi mốt nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về tiền tạm ứng án phí: Hoàn lại cho chị Lê Thị Thu C 20.745.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004603 ngày 07/10/2022

3- Quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

4- Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quajn thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4.2- Trường hợp bán án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-VKSND Tp. Quy Nhơn;
-TAND tỉnh Bình Định;
-Đương sự;
-Lưu HS.

Huỳnh Thị Ngọc Lan